

2222 5302

KPMG

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam
Thông tin về Công ty

Đăng ký Kinh doanh số 0103019864 ngày 8 tháng 10 năm 2007

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh bởi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019864 ngày 11 tháng 8 năm 2009. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Chủ tịch
	Ông Phạm Đức Ấn	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên (từ ngày 4/12/2009)
	Ông Nguyễn Quốc Ánh	Thành viên
	Ông Trần Quang Nghị	Thành viên
	Ông An T. Ho	Thành viên (từ ngày 4/12/2009)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Long	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Duy Viễn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/9/2009)
	Bà Hồ Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/9/2009)

Trụ sở đăng ký Tầng 7, Tòa nhà Đào Duy Anh
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội,
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Điều hành, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.



Vấn đề lưu ý

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng muốn lưu ý tới Thuyết minh 2(c) trong báo cáo tài chính. Vào ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Công ty lựa chọn tiếp tục áp dụng chính sách kế toán trước đây về các giao dịch bằng ngoại tệ theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái. Nếu Công ty lựa chọn áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ giảm 522 triệu VNĐ (sau khi trừ đi ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại là 174 triệu VNĐ).

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 09-02-082



Mark E. Jerome

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0628/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 03 FEB 2010

Đàm Xuân Lâm

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0861/KTV

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		516.101.527	207.209.839
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	393.712.089	128.545.199
Tiền	111		191.753	545.199
Các khoản tương đương tiền	112		393.520.336	128.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	7.050.000	70.465.237
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		15.727.500	82.735.837
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(8.677.500)	(12.270.600)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		113.884.187	7.769.008
Trả trước cho người bán	132	4	112.481.336	67.740
Các khoản phải thu khác	135		1.402.851	7.752.417
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.455.251	379.246
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		574.534	44.126
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		880.717	335.120
Tài sản dài hạn	200		773.371.798	452.804.273
Tài sản cố định	220		1.893.814	1.270.789
Tài sản cố định hữu hình	221	5	1.893.814	1.270.789
<i>Nguyên giá</i>	222		2.626.329	1.585.597
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(732.515)	(314.808)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	4.000.000	4.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		4.000.000	4.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		767.477.984	447.533.484
Chi phí trả trước dài hạn	261	7	4.253.832	151.501
Tài sản dài hạn khác	268	8	763.224.152	447.381.983
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.289.473.325	660.014.112

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

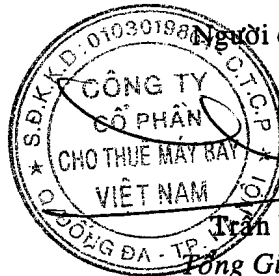
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		304.069.127	8.843.029
Nợ ngắn hạn	310		2.374.921	2.512.277
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	1.274.130	1.704.176
Phải trả người lao động	315		495.150	420.594
Chi phí phải trả	316		213.193	121.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		392.448	266.507
Nợ dài hạn	330		301.694.206	6.330.752
Nợ dài hạn khác	333	10	289.473.006	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	11	12.086.708	6.209.002
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	12	134.492	121.750
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		985.404.198	651.171.083
Vốn chủ sở hữu	410		985.404.198	651.171.083
Vốn cổ phần	411	13	938.177.500	626.985.000
Quỹ dự phòng tài chính	418	2(k)	555.908	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	2(k)	277.954	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		46.392.836	24.186.083
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.289.473.325	660.014.112

Người lập:



Chu Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Long
Tổng Giám đốc

03 FEB 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

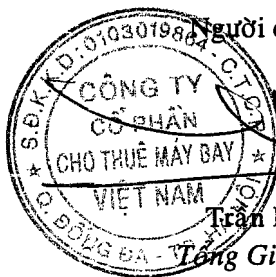
	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 VNĐ'000	Từ 8/10/2007 đến 31/12/2008 VNĐ'000
Tổng doanh thu	01		-	-
Giá vốn hàng bán	11		-	-
Lợi nhuận gộp	20		-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	37.176.726	51.586.659
Chi phí tài chính	22	15	(3.728)	(12.341.847)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(10.461.520)	(6.892.645)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.711.478	32.352.167
Kết quả từ các hoạt động khác	40		3.587.694	29.193
Thu nhập khác	31	16	3.587.801	29.675
Chi phí khác	32		(107)	(482)
Lợi nhuận trước thuế	50		30.299.172	32.381.360
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	(1.239.094)	(1.986.275)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	17	(5.877.706)	(6.209.002)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		23.182.372	24.186.083

Người lập:



Chu Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Long
Tổng Giám đốc

03 FEB 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 VND'000	Từ 08/10/2007 đến 31/12/2008 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		30.299.172	32.381.360
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		566.216	458.654
Các khoản dự phòng	03		(3.506.357)	12.392.350
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(23.510.822)	(24.836.007)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(12.652.387)	(24.908.091)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(8.804.178)	(4.511.734)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(399.220.134)	(423.890.288)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		289.496.902	1.111.931
			(109.723.232)	(422.778.357)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.400.346)	(585.929)
Tiền thuần sử dụng cho các hoạt động kinh doanh	20		(119.927.756)	(427.876.020)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(5.433.098)	(1.880.944)
Tiền chi mua trái phiếu Chính phủ	23		-	(46.939.386)
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(1.083.402.569)
Tiền thu hồi từ việc bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	1.065.402.569
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		-	(30.833.753)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vào các đơn vị khác	26		67.052.869	9.675.500
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		12.282.375	17.414.802
Tiền thuần tạo ra từ/(sử dụng cho) các hoạt động đầu tư	30		73.902.146	(70.563.781)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

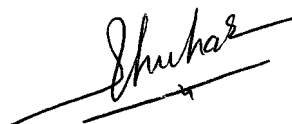
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Mã	Thuyết	Từ 1/1/2009	Từ 08/10/2007
số	minh	đến 31/12/2009	đến 31/12/2008
		VNĐ'000	VNĐ'000

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

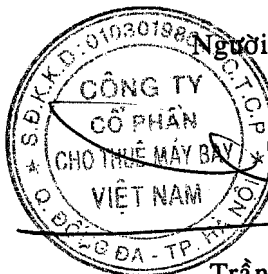
Tiền nhận góp vốn của các cổ đông	31	311.192.500	626.985.000
Tiền thuần tạo ra từ các hoạt động tài chính	40	311.192.500	626.985.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ	50	265.166.890	128.545.199
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	128.545.199	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm/kỳ	70 3	393.712.089	128.545.199

Người lập:



Chu Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Long
Tổng Giám đốc

03 FEB 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam với hoạt động chính là mua và cho thuê máy bay, đầu tư kinh doanh vận tải taxi hàng không, cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp, đặc thù quản lý máy bay, đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có 24 nhân viên (31/12/2008: 18 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng nghìn (“VNĐ’000”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích sử dụng nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này yêu cầu các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu; và các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau. Công ty lựa chọn tiếp tục áp dụng VAS 10 để ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Nếu Công ty lựa chọn áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ giảm 522 triệu VNĐ (sau khi trừ đi ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại là 174 triệu VNĐ).

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban lãnh đạo cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

(ii) *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------|
| ▪ Phương tiện vận chuyển | 6 năm |
| ▪ Dụng cụ văn phòng | 4 năm |

(h) **Chi phí trả trước dài hạn**

(i) *Công cụ và dụng cụ*

Công cụ và dụng cụ được phản ánh theo nguyên giá và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng một năm.

(ii) *Tiền lãi*

Tiền lãi phát sinh trên các khoản thanh toán ứng trước của Tổng công ty Hàng không Việt Nam cho Công ty Avions De Transport Régional (“ATR”) mà Công ty phải thanh toán do nhận chuyển nhượng lại hợp đồng mua năm máy bay ATR72-500 được ký kết giữa Tổng công ty Hàng không Việt Nam và ATR, được ghi nhận là khoản trả trước dài hạn, được thể hiện theo nguyên giá và được khấu hao trong vòng mười năm kể từ khi Công ty thu được doanh thu từ tiền cho thuê các máy bay ATR này.

(i) **Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

(k) Quỹ dự phòng

Quỹ dự phòng bao gồm quỹ dự phòng tài chính và các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu. Các quỹ dự phòng được phân bổ theo tỷ lệ phần trăm từ lợi nhuận giữ lại hàng năm do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên của công ty. Những quỹ này được sử dụng cho những mục đích nhất định do các cổ đông quyết định.

(l) Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(m) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(n) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông và các công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các cổ đông này.

(o) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Tiền mặt	71.584	20.718
Tiền gửi ngân hàng	120.169	524.481
Các khoản tương đương tiền	393.520.336	128.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	393.712.089	128.545.199

Trong số dư tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm cả số tiền bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ, xấp xỉ 8.977 triệu VNĐ (31/12/2008: 5 triệu VNĐ).

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Trả trước cho Avions De Transport Régional ("ATR")	112.337.572	-
Các khoản trả trước khác	143.764	67.740
	<hr/>	<hr/>
	112.481.336	67.740

Khoản trả trước cho ATR là khoản tạm ứng theo hợp đồng mua 5 máy bay ATR72-500 của ATR. Theo dự kiến, chiếc máy bay đầu tiên sẽ được nhận từ ATR vào năm 2010.

5. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận chuyển VNĐ'000	Dụng cụ văn phòng VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	780.702	804.895	1.585.597
Tăng trong năm	726.258	314.474	1.040.732
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.506.960	1.119.369	2.626.329
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	139.773	175.035	314.808
Khấu hao trong năm	130.117	287.590	417.707
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	269.890	462.625	732.515
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	640.929	629.860	1.270.789
Số dư cuối năm	1.237.070	656.744	1.893.814

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

6. Các khoản đầu tư

	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Đầu tư ngắn hạn vào:		
▪ chứng khoán	15.727.500	64.735.837
▪ tiền gửi có kỳ hạn	-	18.000.000
	<hr/> 15.727.500	<hr/> 82.735.837
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(8.677.500)	(12.270.600)
	<hr/> 7.050.000	<hr/> 70.465.237
Đầu tư góp vốn dài hạn vào:		
▪ các loại hình đầu tư khác	4.000.000	4.000.000
	<hr/> 4.000.000	<hr/> 4.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
	<hr/> 4.000.000	<hr/> 4.000.000

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư trong năm như sau:

	Ngắn hạn	
	Từ 1/1/2009	2008
	đến 31/12/2009	
	VNĐ'000	VNĐ'000
Số dư đầu năm	12.270.600	-
Tăng dự phòng trong năm	-	12.270.600
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.593.100)	-
	<hr/> 8.677.500	<hr/> 12.270.600

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VNĐ'000	Tiền lãi VNĐ'000	Chi phí trả trước dài hạn khác VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
Số dư đầu năm	147.987	-	3.514	151.501
Tăng trong năm	2.030	2.515.396	1.733.414	4.250.840
Phân bổ trong năm	(147.129)	-	(1.380)	(148.509)
Số dư cuối năm	2.888	2.515.396	1.735.548	4.253.832

8. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Trả trước cho Airbus	462.334.686	162.781.197
Trả trước cho Boeing	300.514.621	284.367.467
Đặt cọc dài hạn	374.845	233.319
Tổng cộng	763.224.152	447.381.983

Khoản trả trước cho Airbus là khoản tạm ứng theo hợp đồng mua 10 máy bay Airbus A321-200 của Airbus S.A.S. Theo dự kiến, chiếc máy bay đầu tiên sẽ được nhận từ Airbus vào năm 2012.

Khoản trả trước cho Boeing là khoản tạm ứng theo hợp đồng mua 8 máy bay Boeing 787 của Boeing Commercial Airplanes. Theo dự kiến, chiếc máy bay đầu tiên sẽ được nhận từ Boeing vào năm 2017.

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.239.094	1.400.346
Thuế thu nhập cá nhân	35.036	303.830
Tổng cộng	1.274.130	1.704.176

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

10. Nợ dài hạn khác

	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Tiền đặt cọc dài hạn nhận được	289.473.006	-
	<hr/> 289.473.006	<hr/> -

Tiền đặt cọc dài hạn nhận được là khoản đặc cọc cho các hợp đồng thuê máy bay A321, Boeing 787 và ATR 72-500 của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.

11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(i) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.086.708	6.209.002
	<hr/> 12.086.708	<hr/> 6.209.002

(ii) Biến động chênh lệch tạm thời trong năm

	31/12/2008 VNĐ'000	Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(6.209.002)	(5.877.706)	(12.086.708)
	<hr/> (6.209.002)	<hr/> (5.877.706)	<hr/> (12.086.708)

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

12. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc làm trong năm như sau:

	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Số dư đầu năm	121.750	-
Tăng dự phòng trong năm	12.742	121.750
Số dư cuối năm	134.492	121.750

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 mươi lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã nộp 4 triệu VNĐ (31/12/2008: Không) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)****13. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2009		31/12/2008	
	Số cổ phiếu	VNĐ'000	Số cổ phiếu	VNĐ'000
Vốn cổ phần được duyệt	95.349.250	953.492.500	64.000.000	640.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	93.817.750	938.177.500	62.698.500	626.985.000
Số cổ phần chưa phát hành hết	1.531.500	15.315.000	1.301.500	13.015.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	93.817.750	938.177.500	62.698.500	626.985.000
	93.817.750	938.177.500	62.698.500	626.985.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009		Từ 8/10/2007 đến 31/12/2008	
	Số cổ phiếu	VNĐ'000	Số cổ phiếu	VNĐ'000
Số dư đầu năm	62.698.500	626.985.000	-	-
Cổ phiếu phát hành trong năm	31.119.250	311.192.500	62.698.500	626.985.000
Số dư cuối năm	93.817.750	938.177.500	62.698.500	626.985.000

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, các cổ đông và tỷ lệ phần trăm sở hữu tương ứng của họ như sau:

	Số cổ phần	%
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	25.280.000	26,95
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	22.080.000	23,53
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	16.320.000	17,40
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	7.040.000	7,50
Công ty TNHH Infrastructure Conventus Việt Nam	5.760.000	6,14
Tổng Công ty Phong Phú	5.120.000	5,46
Công ty TNHH Infrastructure Espero Việt Nam	4.800.000	5,12
Công ty TNHH Đầu tư VIL Glorious	4.800.000	5,12
Công ty Cổ phần Eurowindow Holding	1.920.000	2,05
Các cổ đông cá nhân	697.750	0,74
	<hr/>	
	93.817.750	100,00

Ngày 17 tháng 12 năm 2009, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt kế hoạch tăng vốn cổ phần thêm 1.103.618 triệu VNĐ vào năm 2010.

14. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 VNĐ'000	Từ 8/10/2007 đến 31/12/2008 VNĐ'000
Lãi tiền gửi	12.533.853	20.019.785
Lãi từ trái phiếu Chính phủ	923.182	5.846.818
Lãi thanh lý chứng khoán	118.533	692.050
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23.510.822	24.837.116
Cổ tức	90.336	190.890
	<hr/>	
	37.176.726	51.586.659

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

15. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 VNĐ'000	Từ 8/10/2007 đến 31/12/2008 VNĐ'000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	12.270.600
Các chi phí tài chính khác	3.728	71.247
	<hr/>	<hr/>
	3.728	12.341.847

16. Thu nhập khác

	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 VNĐ'000	Từ 8/10/2007 đến 31/12/2008 VNĐ'000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	3.519.099	-
Thu nhập khác	68.702	29.675
	<hr/>	<hr/>
	3.587.801	29.675

17. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 VNĐ'000	Từ 8/10/2007 đến 31/12/2008 VNĐ'000
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	1.239.094	1.986.275
	<hr/>	<hr/>
	1.239.094	1.986.275
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	5.877.706	6.209.002
	<hr/>	<hr/>
	5.877.706	6.209.002
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	7.116.800	8.195.277

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)****(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 VNĐ'000	Từ 8/10/2007 đến 31/12/2008 VNĐ'000
Lợi nhuận trước thuế	30.299.172	32.381.360
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	7.574.793	9.066.780
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	(745.079)
Ưu đãi thuế	(546.348)	(161.049)
Chi phí không được khấu trừ thuế	110.939	88.074
Thu nhập không bị tính thuế	(22.584)	(53.449)
	7.116.800	8.195.277

Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC (“Thông tư 03”) do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009, hoạt động của Công ty thỏa mãn định nghĩa Doanh Nghiệp Nhỏ và Vừa và do đó Công ty được giảm 30 phần trăm chi phí thuế thu nhập hiện hành cho quý bốn của năm 2008 và cả năm 2009. Khoản thuế được giảm cho quý bốn năm 2008 được tính dựa trên lợi nhuận chịu thuế của quý bốn năm 2008 theo hướng dẫn tại Thông tư 03.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 28% trên lợi nhuận tính thuế.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập của Công ty được giảm từ 28% xuống còn 25% theo thay đổi của luật thuế thu nhập.

18. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 VNĐ'000	Từ 8/10/2007 đến 31/12/2008 VNĐ'000
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát		
Tiền thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	202.000	124.000
Thưởng Ban điều hành	141.757	-
Tổng công ty Hàng không Việt Nam		
Tiền lãi đã thanh toán	2.515.396	-

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

19. Cam kết

Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Trong vòng một năm	1.488.599	977.875
Từ hai đến năm năm	-	896.386
	<hr/>	<hr/>
	1.488.599	1.874.261

20. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2009	Từ 8/10/2007
	đến 31/12/2009	đến 31/12/2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Chi phí nhân công	4.693.406	3.704.167
Chi phí khấu hao	593.840	458.654
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.880.024	1.537.470
	<hr/>	<hr/>

21. Cam kết của Chính phủ về việc hỗ trợ cho vay vốn

Theo Công văn số 1567/TTg-CN ngày 18 tháng 10 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch phát triển đội máy bay đến năm 2015 và đến năm 2020 của Tổng công ty hàng không Việt Nam và công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam, Bộ Tài chính sẽ cấp bảo lãnh miễn phí các khoản vốn vay mua máy bay và động cơ máy bay bao gồm tín dụng xuất khẩu và các khoản vay thương mại.

Theo Công văn số 1567/TTg-KTN ngày 22 tháng 9 năm 2008, Thủ tướng Chính phủ đồng ý miễn thuế nhà thầu đối với lãi và phí tiền vay mua máy bay.

22. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Tại ngày phát hành các báo cáo tài chính này, tổng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty là 6.345 triệu VNĐ, giảm 705 triệu VNĐ so với tổng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn này tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 do sự suy giảm chung của thị trường chứng khoán Việt Nam. Không có khoản điều chỉnh nào được lập đối với báo cáo tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

23. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp việc trình bày báo cáo của năm nay như sau:

Bản cân đối kế toán

	Mã số	31/12/2009 (phân loại lại) VNĐ'000	31/12/2008 (đã được trình bày trước đây) VNĐ'000
Trả trước cho người bán	132	67.740	447.216.404
Tài sản dài hạn khác	268	447.381.983	233.319

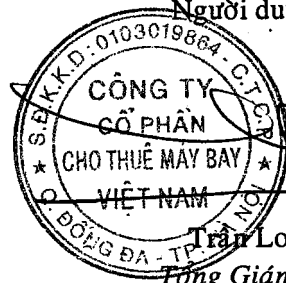
Các số dư so sánh kỳ trước là cho giai đoạn kể từ ngày Công ty thành lập ngày 8 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Người lập:



Chu Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Long
Tổng Giám đốc

● 3 FEB 2010